UỶ BAN NHÂN DÂN **TỈNH HƯNG YÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1548 /QĐ-UBND	*Hưng Yên, ngày 27 tháng 10 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giao chỉ tiêu phát triển đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế trên địa bàn tỉnh Hưng Yên năm 2025

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Bảo hiểm xã hội ngày 29/6/2024;

Căn cứ Luật Bảo hiểm y tế ngày 14/11/2008; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế ngày 13/6/2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế ngày 27/11/2024;

Căn cứ các Nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương Đảng: Số 20-NQ/TW ngày 25/10/2017 về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới; số 28-NQ/TW ngày 23/5/2018 về cải cách chính sách bảo hiểm xã hội;

Căn cứ các Nghị quyết của Chính phủ: Số 102/NQ-CP ngày 03/8/2018 về việc giao chỉ tiêu phát triển đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội; số 69/NQ-CP ngày 19/5/2022 về việc giao chỉ tiêu phát triển đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội;

Căn cứ Quyết định số 546/QĐ-TTg ngày 29/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao chỉ tiêu thực hiện bao phủ bảo hiểm y tế giai đoạn 2022-2025;

Xét đề nghị của Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh tại Tờ trình số 426/TTr-BHXH ngày 25/9/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao chỉ tiêu phát triển đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế trên địa bàn tỉnh Hưng Yên năm 2025.

(Có Phụ lục chi tiết kèm theo).

Điều 2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở; ban, ngành, đoàn thể tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:
- Như Điều 2;
- Bộ Y tế;
- BHXH Việt Nam;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX[KH].

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN
ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN
27/10/2025 11:28:01

Phạm Văn Nghiêm

PHỤ LỤC

GIAO CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN NGƯỜI THAM GIA BẢO HIỂM XÃ HỘI, BẢO HIỂM Y TẾ NĂM 2025

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1948/QĐ-UBND ngày 27/10/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Phường, xã	Dân số toàn tỉnh	Lực lượng lao động (NGTK)	Số giao phát triển người tham gia BHXH, BHYT				Tỷ lệ % bao phủ	
				Tổng BHXH	Trong đó		BHYT	BHXH	BHYT
					BHXH bắt buộc	BHXH tự nguyện			
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
1	Phường Phố Hiến	68,982	32,284	21,948	20,538	1,410	66,029	68.0%	95.7%
2	Phường Sơn Nam	30,471	14,260	8,826	7,476	1,350	28,968	61.9%	95.1%
3	Phường Hồng Châu	18,714	8,758	5,790	4,226	1,564	17,694	66.1%	94.6%
4	Xã Tân Hưng	27,118	12,691	6,889	5,219	1,670	25,728	54.3%	94.9%
5	Xã Quang Hưng	29,462	13,788	5,665	4,934	731	27,781	41.1%	94.3%
6	Xã Đoàn Đào	22,781	10,662	4,652	4,084	568	21,669	43.6%	95.1%
7	Xã Tiên Tiến	28,936	13,542	5,465	4,810	655	27,340	40.4%	94.5%
8	Xã Tống Trân	19,937	9,331	3,746	3,285	461	18,924	40.1%	94.9%
9	Phường Mỹ Hào	57,676	26,992	15,067	14,619	448	54,601	55.8%	94.7%
10	Phường Đường Hào	39,028	18,265	11,202	10,314	888	37,419	61.3%	95.9%
11	Phường Thượng Hồng	37,153	17,388	11,630	11,125	505	35,240	66.9%	94.9%
12	Xã Hoàng Hoa Thám	46,868	21,934	11,719	10,674	1,045	44,122	53.4%	94.1%
13	Xã Tiên Lữ	27,405	12,826	6,643	6,059	584	26,065	51.8%	95.1%
14	Xã Tiên Hoa	26,152	12,239	6,548	5,995	553	24,832	53.5%	95.0%
15	Xã Như Quỳnh	77,703	36,365	24,820	23,462	1,358	74,052	68.3%	95.3%
16	Xã Lạc Đạo	42,213	19,756	13,156	12,418	738	40,164	66.6%	95.1%
17	Xã Đại Đồng	32,724	15,315	9,837	9,224	613	31,208	64.2%	95.4%
18	Xã Lương Bằng	39,420	18,449	8,618	7,754	864	37,569	46.7%	95.3%
19	Xã Nghĩa Dân	34,669	16,225	7,692	6,968	724	32,837	47.4%	94.7%
20	Xã Hiệp Cường	32,364	15,146	7,128	6,451	677	30,936	47.1%	95.6%
21	Xã Đức Hợp	29,424	13,770	6,234	5,594	640	28,013	45.3%	95.2%
22	Xã Ân Thi	30,582	14,312	5,725	4,661	1,064	29,110	40.0%	95.2%
23	Xã Xuân Trúc	25,770	12,060	5,364	4,445	919	24,510	44.5%	95.1%
24	Xã Phạm Ngũ Lão	37,053	17,341	8,912	7,672	1,240	35,338	51.4%	95.4%
25	Xã Nguyễn Trãi	31,648	14,811	6,493	5,420	1,073	30,212	43.8%	95.5%
26	Xã Hồng Quang	31,590	14,784	6,187	5,161	1,026	30,288	41.8%	95.9%
27	Xã Khoái Châu	48,795	22,836	9,363	8,448	915	46,498	41.0%	95.3%
28	Xã Triệu Việt Vương	44,554	20,851	8,549	7,702	847	42,252	41.0%	94.8%
29	Xã Việt Tiến	35,161	16,455	8,576	7,864	712	33,517	52.1%	95.3%
30	Xã Chí Minh	35,259	16,501	6,214	5,487	727	33,297	37.7%	94.4%
31	Xã Châu Ninh	36,218	16,950	6,284	5,522	762	34,562	37.1%	95.4%
32	Xã Yên Mỹ	75,876	35,510	14,473	13,950	523	72,058	40.8%	95.0%
33	Xã Việt Yên	43,502	20,359	8,347	8,015	332	41,223	41.0%	94.8%
34	Xã Hoàn Long	32,997	15,443	6,332	6,083	249	31,208	41.0%	94.6%
35	Xã Nguyễn Văn Linh	47,867	22,402	9,185	8,859	325	45,102	41.0%	94.2%
36	Xã Nghĩa Trụ	46,561	21,791	7,991	6,826	1,165	44,598	36.7%	95.8%

STT	Phường, xã	Dân số toàn tỉnh	Lực lượng lao động (NGTK)	Số giao phát triển người tham gia BHXH, BHYT				Tỷ lệ % bao phủ	
				Tổng BHXH	Trong đó		BHYT	BHXH	BHYT
					BHXH bắt buộc	BHXH tự nguyện			
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
37	Xã Phụng Công	31,524	14,753	5,593	4,469	1,124	30,014	37.9%	95.2%
38	Xã Văn Giang	40,599	19,000	7,058	5,900	1,158	38,210	37.1%	94.1%
39	Xã Mễ Sở	30,138	14,105	6,069	5,303	766	28,639	43.0%	95.0%
40	Phường Thái Bình	67,922	31,787	14,613	11,968	2,645	64,713	46.0%	95.3%
41	Phường Trần Lãm	92,136	43,120	28,740	26,693	2,047	86,851	66.7%	94.3%
42	Phường Trần Hưng Đạo	45,657	21,367	13,577	12,404	1,173	43,492	63.5%	95.3%
43	Phường Trà Lý	43,929	20,559	13,359	11,079	2,280	42,040	65.0%	95.7%
44	Phường Vũ Phúc	41,428	19,388	12,971	10,583	2,388	39,062	66.9%	94.3%
45	Xã Vũ Thư	43,920	20,555	13,788	12,303	1,485	41,632	67.1%	94.8%
46	Xã Thư Trì	27,178	12,719	8,673	7,636	1,037	25,542	68.2%	94.0%
47	Xã Tân Thuận	29,462	13,788	8,979	8,133	846	27,935	65.1%	94.8%
48	Xã Thư Vũ	35,540	16,633	10,674	9,617	1,057	33,826	64.2%	95.2%
49	Xã Vũ Tiên	37,469	17,535	11,329	10,380	949	35,498	64.6%	94.7%
50	Xã Vạn Xuân	36,551	17,106	11,302	10,119	1,183	34,850	66.1%	95.3%
51	Xã Thái Thụy	51,837	24,260	12,188	9,963	2,225	49,339	50.2%	95.2%
52	Xã Đông Thụy Anh	38,299	17,924	8,025	6,040	1,985	36,389	44.8%	95.0%
53	Xã Bắc Thụy Anh	19,194	8,983	3,510	2,635	875	18,284	39.1%	95.3%
54	Xã Thụy Anh	23,489	10,993	7,476	6,574	902	22,185	68.0%	94.5%
55	Xã Nam Thụy Anh	22,260	10,418	4,453	3,679	773	21,350	42.7%	95.9%
56	Xã Bắc Thái Ninh	17,908	8,381	3,548	2,897	651	17,035	42.3%	95.1%
57	Xã Thái Ninh	31,269	14,634	6,062	5,103	960	29,783	41.4%	95.2%
58	Xã Đông Thái Ninh	27,130	12,697	5,079	4,082	997	25,655	40.0%	94.6%
59	Xã Nam Thái Ninh	19,959	9,341	4,227	3,411	815	19,004	45.2%	95.2%
60	Xã Tây Thái Ninh	17,388	8,138	3,584	2,782	802	16,538	44.0%	95.1%
61	Xã Tây Thụy Anh	16,565	7,752	3,713	2,809	904	15,788	47.9%	95.3%
62	Xã Tiền Hải	42,707	19,987	10,721	8,948	1,773	40,630	53.6%	95.1%
63	Xã Tây Tiền Hải	25,235	11,810	4,125	3,162	963	24,006	34.9%	95.1%
64	Xã Ái Quốc	16,704	7,817	5,227	4,391	836	15,858	66.9%	94.9%
65	Xã Đồng Châu	30,501	14,274	8,236	6,499	1,737	28,803	57.7%	94.4%
66	Xã Đông Tiền Hải	37,027	17,329	9,180	6,468	2,712	35,329	53.0%	95.4%
67	Xã Nam Cường	37,759	17,671	8,669	7,237	1,432	35,933	49.1%	95.2%
68	Xã Hưng Phú	25,802	12,075	5,471	4,538	933	24,642	45.3%	95.5%
69	Xã Nam Tiền Hải	30,698	14,367	5,680	4,735	945	28,929	39.5%	94.2%
70	Xã Lê Lợi	25,505	11,936	5,698	4,383	1,315	24,195	47.7%	94.9%
71	Xã Kiến Xương	47,950	22,441	10,567	8,173	2,394	45,355	47.1%	94.6%
72	Xã Quang Lịch	18,832	8,813	4,353	3,184	1,169	17,839	49.4%	94.7%
73	Xã Vũ Quý	27,127	12,695	6,610	5,414	1,196	25,824	52.1%	95.2%
74	Xã Bình Thanh	24,517	11,474	5,221	3,912	1,309	23,231	45.5%	94.8%

STT	Phường, xã	Dân số toàn tỉnh	Lực lượng lao động (NGTK)	Số giao phát triển người tham gia BHXH, BHYT				Tỷ lệ % bao phủ	
				Tổng BHXH	Trong đó		BHYT	BHXH	BHYT
					BHXH bắt buộc	BHXH tự nguyện			
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
75	Xã Bình Định	22,133	10,358	4,865	3,547	1,318	20,961	47.0%	94.7%
76	Xã Hồng Vũ	23,172	10,844	5,820	4,261	1,559	21,871	53.7%	94.4%
77	Xã Bình Nguyên	19,268	9,017	3,620	2,596	1,024	18,226	40.1%	94.6%
78	Xã Trà Giang	19,144	8,959	4,139	3,091	1,048	18,219	46.2%	95.2%
79	Xã Quỳnh Phụ	51,820	24,252	15,790	13,737	2,053	49,353	65.1%	95.2%
80	Xã Minh Thọ	24,659	11,540	4,753	3,153	1,600	23,484	41.2%	95.2%
81	Xã Nguyễn Du	22,374	10,471	4,245	3,245	1,000	21,160	40.5%	94.6%
82	Xã Quỳnh An	35,570	16,647	7,010	5,810	1,200	33,587	42.1%	94.4%
83	Xã Ngọc Lâm	24,482	11,458	4,643	3,443	1,200	23,104	40.5%	94.4%
84	Xã Đồng Bằng	25,000	11,700	5,018	3,818	1,200	23,803	42.9%	95.2%
85	Xã A Sào	27,967	13,089	5,760	4,560	1,200	26,468	44.0%	94.6%
86	Xã Phụ Dực	42,522	19,900	9,531	7,431	2,100	40,399	47.9%	95.0%
87	Xã Tân Tiến	23,123	10,822	4,515	3,015	1,500	21,822	41.7%	94.4%
88	Xã Hưng Hà	54,891	25,689	11,324	9,425	1,899	52,112	44.1%	94.9%
89	Xã Tiên La	32,805	15,353	6,215	5,128	1,087	31,326	40.5%	95.5%
90	Xã Lê Quý Đôn	23,534	11,014	4,425	3,500	925	22,262	40.2%	94.6%
91	Xã Hồng Minh	24,579	11,503	5,018	3,999	1,019	23,353	43.6%	95.0%
92	Xã Thần Khê	29,648	13,875	6,134	5,086	1,048	28,021	44.2%	94.5%
93	Xã Diên Hà	40,167	18,798	7,677	6,556	1,121	38,054	40.8%	94.7%
94	Xã Ngự Thiên	31,109	14,559	6,264	5,294	970	29,534	43.0%	94.9%
95	Xã Long Hưng	48,593	22,742	9,374	7,887	1,487	46,237	41.2%	95.2%
96	Xã Đông Hưng	49,134	22,995	10,835	8,841	1,994	46,566	47.1%	94.8%
97	Xã Bắc Tiên Hưng	40,641	19,020	7,583	6,060	1,523	38,325	39.9%	94.3%
98	Xã Đông Tiên Hưng	23,495	10,996	4,433	3,439	994	22,369	40.3%	95.2%
99	Xã Nam Đông Hưng	25,296	11,839	5,470	4,635	835	24,080	46.2%	95.2%
100	Xã Bắc Đông Quan	25,263	11,823	5,513	4,551	962	23,854	46.6%	94.4%
101	Xã Bắc Đông Hưng	23,729	11,105	4,537	3,582	955	22,443	40.9%	94.6%
102	Xã Đông Quan	25,167	11,778	4,907	3,933	974	23,808	41.7%	94.6%
103	Xã Nam Tiên Hưng	30,738	14,385	6,715	5,583	1,132	29,287	46.7%	95.3%
104	Xã Tiên Hưng	26,172	12,248	5,328	4,347	981	24,594	43.5%	94.0%
Tổng		**3,567,943**	**1,669,797**	**834,899**	**716,325**	**118,574**	**3,390,259**	**50.00%**	**95.02%**

Ghi chú : Số giao cho từng xã/phường nêu trên tính cả số người có hộ khẩu thường trú tại xã/phường mình nhưng đăng ký tham gia BHXH, BHYT ở địa phương khác, nhưng không tính số người cư trú tại địa phương khác đăng ký tham gia BHXH, BHYT tại địa phương mình.